UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐIỀN LƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Niêm yết công khai thời gian công tác và dự toán kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ của Người hoạt động không chuyên trách xã Điền Lư

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND, ngày 19/5/2026 của UBND xã Điền Lư)

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Thời điểm nghỉ để hưởng chế độ theo NĐ 154	Tuổi nghỉ hưu		Tuổi nghỉ hưu theo NĐ 135		Thời gian công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã				Thời gian công tác có đóng BHXH ở các vị trí việc làm khác				Phụ cấp hàng tháng hiện hưởng	Tổng kinh phí thực hiện chính sách				Tổng cộng
						Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Tổng số tháng	Làm tròn số năm	Năm	Tháng	Tổng số tháng	Làm tròn số năm		Số tháng nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu	Trợ cấp một lần	Trợ cấp một lần theo số năm công tác	Trợ cấp tìm việc làm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	23	24	25	26	27	28=25+26+27
	TỔNG CỘNG																			**1.684.238.400**	**587.223.000**	**108.810.000**	**2.380.271.400**
I	**Có thời gian dưới 5 năm công tác**																			**179.150.400**	**31.063.500**	**14.742.000**	**224.955.900**
1	Nguyễn Xuân Chung	Nam	05/12/1995	Người hoạt động KCT hỗ trợ công việc tại Ban CHQS	30/05/2026	30	5	62	0	3	7	43	4,00					2.808.000		96.595.200	16.848.000	8.424.000	121.867.200
2	Trương Thị Hải Yến	Nữ	30/08/1999	Người hoạt động KCT hỗ trợ công việc tại Văn Phòng UB.MTTQ	30/05/2026	26	9	60	0	4	1	49	4,50					2.106.000		82.555.200	14.215.500	6.318.000	103.088.700
II	**Có thời gian công tác đủ 5 năm, còn dưới 5 năm đến tuổi về hưu (theo NĐ135)**																			-			
III	**Có thời gian công tác 5 năm trở lên, tuổi đời còn từ đủ 05 năm trở lên đến tuổi nghỉ hưu**																			**1.505.088.000**	**556.159.500**	**94.068.000**	**2.155.315.500**
1	Trịnh Thị Linh	Nữ	31/7/1990	Người hoạt động KCT hỗ trợ công việc tại VP Đảng ủy	30/05/2026	35	10	60		10	11	131	11,00			0	0	2.106.000		101.088.000	34.749.000	6.318.000	142.155.000
2	Bùi Văn Phương	Nam	03/04/1982	Người hoạt động KCT hỗ trợ công việc tại VP Đảng ủy	30/05/2026	44	1	62		14	9	177	15,00			0	0	2.106.000		101.088.000	47.385.000	6.318.000	154.791.000
3	Hà Quỳnh Trang	Nữ	04/11/1994	Người hoạt động KCT hỗ trợ công việc tại Ban Xây dựng Đảng	30/05/2026	31	6	60		8	1	97	8,50			0	0	2.106.000		101.088.000	26.851.500	6.318.000	134.257.500

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Thời điểm nghỉ để hưởng chế độ theo NĐ 154	Tuổi nghỉ hưu		Tuổi nghỉ hưu theo NĐ 135		Thời gian công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã				Thời gian công tác có đóng BHXH ở các vị trí việc làm khác				Phụ cấp hàng tháng hiện hưởng	Tổng kinh phí thực hiện chính sách				Tổng cộng
						Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Tổng số tháng	Làm tròn số năm	Năm	Tháng	Tổng số tháng	Làm tròn số năm		Số tháng nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu	Trợ cấp một lần	Trợ cấp một lần theo số năm công tác	Trợ cấp tìm việc làm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	23	24	25	26	27	28=25+26+27
4	Hà Xuân Mạnh	Nam	05/05/1986	Người hoạt động KCT hỗ trợ công việc tại Ban Xây dựng Đảng	30/05/2026	40	0	62		9	11	119	10,00			0	0	2.106.000		101.088.000	31.590.000	6.318.000	138.996.000
5	Nguyễn Văn Thanh	Nam	05/01/1983	Người hoạt động KCT hỗ trợ công việc tại Văn Phòng UB.MTTQ	30/05/2026	43	4	62		14	8	176	15,00			0	0	2.106.000		101.088.000	47.385.000	6.318.000	154.791.000
6	Trần Đức Toàn	Nam	17/06/1981	Người hoạt động KCT hỗ trợ công việc tại Văn Phòng UB.MTTQ	30/05/2026	44	11	62		9	4	112	9,50			0	0	2.106.000		101.088.000	30.010.500	6.318.000	137.416.500
7	Trương Văn Hiệp	Nam	01/12/1985	Người hoạt động KCT hỗ trợ công việc tại Văn Phòng UB.MTTQ	30/05/2026	40	6	60		9	3	111	9,50			0	0	2.106.000		101.088.000	30.010.500	6.318.000	137.416.500
8	Lê Thị Vân	Nữ	15/10/1981	Người hoạt động KCT hỗ trợ công việc tại Văn Phòng UB.MTTQ	30/05/2026	44	7	60		16	3	195	16,50			0	0	2.106.000		101.088.000	52.123.500	6.318.000	159.529.500
9	Bùi Văn Hạnh	Nam	20/10/1990	Người hoạt động KCT hỗ trợ công việc tại Phòng Kinh tế	30/05/2026	35	7	62		9	1	109	9,50			0	0	2.340.000		112.320.000	33.345.000	7.020.000	152.685.000
10	Bùi Văn Thắng	Nam	10/06/1986	Người hoạt động KCT hỗ trợ công việc tại Phòng Kinh tế	30/05/2026	39	11	62		14	8	176	15,00			0	0	2.340.000		112.320.000	52.650.000	7.020.000	171.990.000
11	Trương Văn Thao	Nam	29/08/1990	Người hoạt động KCT hỗ trợ công việc tại Ban CHQS	30/05/2026	35	9	62		10	7	127	11,00			0	0	2.808.000		134.784.000	46.332.000	8.424.000	189.540.000
12	Lê Thị Lan	Nữ	09/09/1981	Người hoạt động KCT hỗ trợ công việc tại phòng VH-XH	30/05/2026	44	8	60		14	2	170	14,50			0	0	2.106.000		101.088.000	45.805.500	6.318.000	153.211.500
13	Nguyễn Văn Bảy	Nam	08/06/1986	Người hoạt động KCT hỗ trợ công việc tại Trung tâm cung ứng dịch vụ công	30/05/2026	39	11	62		13	8	164	14,00			0	0	2.808.000		134.784.000	58.968.000	8.424.000	202.176.000
14	Nguyễn Phương Mai	Nữ	26/08/1997	Người hoạt động KCT hỗ trợ công việc tại Văn Phòng HĐND và UBND xã	30/05/2026	28	9	62		5	8	68	6,00			0	0	2.106.000		101.088.000	18.954.000	6.318.000	126.360.000
IV	**Đã đủ tuổi nghỉ hưu hoặc đang hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động**																						